

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 727/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04-5-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Phan Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Lê Na - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 914/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1270/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1951/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: A Chung cư L, số F Đường số A, khu phố C, phường L (phường L, thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đỗ Đình T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: A Chung cư L, số F Đường số A, khu phố C, phường L (phường L, thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:* Bà và ông Nguyễn Đỗ Đình T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (nay là xã T), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 7, quyển số 01:2015 cấp ngày 14/02/2015.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 9/2025, bà và ông T đã ly thân. Hai bên đã nhiều lần tạo cơ hội đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Nay bà H xác định bà và ông T không còn khả năng quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc M, sinh ngày 12/10/2015 và Nguyễn Phạm Ngọc Á, sinh ngày 03/4/2021. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2025, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi phát sinh một trong những điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi phát sinh một trong những điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống, bà và ông T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

* *Tại bản tự khai ngày 09/12/2025, bị đơn ông Nguyễn Đỗ Đình T trình bày:* Ông đề nghị Tòa án cho ông và bà Phạm Thị H thêm thời gian để hàn gắn.

* *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và

nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường L, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Nguyễn Đỗ Đình T cư trú tại địa chỉ A Chung cư L, số F Đường số A, khu phố C, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đỗ Đình T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025), tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đỗ Đình T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (nay là xã T), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 7, quyển số 01:2015 cấp ngày 14/02/2015, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T:

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Tuy nhiên, theo bà H trình bày: Sau khi kết hôn, thời gian

đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 9/2025, bà và ông T đã ly thân. Hai bên đã nhiều lần tạo cơ hội đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không làm rõ được mâu thuẫn.

Qua ý kiến trình bày của bà H, sự vắng mặt của ông T, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 95 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (nay là xã T), tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 04/12/2015 và Giấy khai sinh số 139/2021 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/5/2021, có đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đỗ Đình T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc M, sinh ngày 12/10/2015 và Nguyễn Phạm Ngọc Á, sinh ngày 03/4/2021.

Đối với yêu cầu giao 02 con chung chưa thành niên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng: Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Bà H có yêu cầu giao 02 con chung chưa thành niên cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H khai 02 con chung chưa thành niên Nguyễn Phạm Ngọc M và Nguyễn Phạm Ngọc Á hiện đang do bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà H đảm bảo được các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung từ khi bà H và ông T sống ly thân cho đến nay, trẻ có nguyện vọng được ở với bà Phạm Thị H. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của các con chung, Hội đồng xét xử giao các con chung cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng của bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai trẻ còn quá nhỏ và một mình bà Phạm Thị H nuôi sẽ có khó khăn nhất định, do đó cần buộc ông Nguyễn Đỗ Đình T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho các con chung để bù đắp một phần trách nhiệm của ông T khi không trực tiếp nuôi con. Mức yêu cầu cấp dưỡng của bà Phạm Thị H là hợp lý so với thu nhập bình quân hiện nay. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Đỗ Đình T phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi phát

sinh một trong những điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà H xác định bà và ông T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng do ông Nguyễn Đỗ Đình T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 19; 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đỗ Đình T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc M, sinh ngày 12/10/2015 và Nguyễn Phạm Ngọc Á, sinh ngày 03/4/2021.

Giao con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc M, sinh ngày 12/10/2015 và Nguyễn Phạm Ngọc Á, sinh ngày 03/4/2021 cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm

sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đỗ Đình T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng cho đến khi phát sinh một trong những điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án; nếu ông Nguyễn Đỗ Đình T chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền cấp dưỡng. Nếu không có thỏa thuận và có tranh chấp về lãi suất, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được miễn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027406 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí. Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Đỗ Đình T phải nộp.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Đỗ Đình T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Đoàn